

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN LẠNH HOÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN LẠNH HOÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOA REFRIGERATION MECHANICAL AND ELECTRICAL TECHNICAL SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301138395

**3. Ngày thành lập:** 10/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14B1 đường Đoàn Hoàng Minh, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0336360361

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                  | 1075        |
| 2.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                             | 3312        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                 | 3313        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                 | 3314        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                 | 3319        |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                | 3320        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                  | 4321        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                  | 4322(Chính) |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                         | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                         | 4330        |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nổ cát)                                                                       | 4390        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình ( trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)                                           | 4649        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                  | 4659        |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ( trừ hoạt động bến thủy nội địa)                              | 4663        |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)                                          | 4669        |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng) | 4752        |

Thời gian đăng từ ngày 11/12/2024 đến ngày 10/01/2025

|     |                                                                                                                                                                                              |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                      | 4759                                                         |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                             | 5610                                                         |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                     | 5621                                                         |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                         | 5629                                                         |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ kinh doanh quán bar)                                                                                                                                            | 5630                                                         |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                          | 7110                                                         |
| 23. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                               | 7410                                                         |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                               | 7730                                                         |
| 25. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                          | 9522                                                         |
| 26. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN MINH HÒA

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/09/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083095007464

Ngày cấp: 18/07/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Lộc Sơn, Xã Lộc Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Lộc Sơn, Xã Lộc Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN MINH HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/09/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083095007464

Ngày cấp: 18/07/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Lộc Sơn, Xã Lộc Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Lộc Sơn, Xã Lộc Thuận, Huyện Bình Đại, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 11/12/2024 đến ngày 10/01/2025

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre